TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày 17-01-2020
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ly

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hào

2. Ông Phan Quang Thinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 134/2019/TLST-DS ngày 05/9/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Xuân H**, sinh năm 1940 "có mặt"

Ông **Bùi Văn Th**, sinh năm 1954 "có mặt"

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã P V, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

Ông **Trần Văn Thô**, sinh năm 1960 "có mặt"

Địa chỉ: Thôn 3, xã P V, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hồng T**, sinh năm 1966 và bà **Phạm Thị Hồng M**, sinh năm 1968 "đều vắng mặt"

Địa chỉ: Thôn 03, xã P V, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn các ông Trần Xuân H, ông Bùi Văn Th, ông Trần Văn Thô cùng trình bày đơn tại khởi kiện; tại các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay như sau:

Chúng tôi là thành viên của Hội đồng hương Ninh Bình xã P V trong tổng số thành viên 14 người, đồng thời chúng tôi cũng là ba người thường xuyên đại diện cho Hội trong các công việc, mục đích của Hội thành lập để gây quỹ của Hội nhằm giúp đỡ các hội viên có hoàn cảnh khó khăn, để lấy tiền thăm hỏi ốm đau, việc hỷ, tang, thưởng cho các cháu học sinh học giỏi, ... do đó mỗi thành viên trong hội cùng góp tiền làm quỹ hoạt động chung. Vợ chồng ông T, bà M cũng là thành viên của Hội đồng hương xã P V. Vào ngày 01/01/2018 ông T bà M hỏi vay tiền quỹ của Hội đồng hương số tiền 49.000.000 đồng để đầu tư cửa hàng tạp hóa của ông bà, tuy nhiên khi đó tiền quỹ của hội không có, nhưng do có ý định muốn giúp ông T, bà M nên ba chúng tôi thống nhất lấy tiền cá nhân để cho ông T, bà M vay. Khi đó chúng tôi bỏ ra mỗi người 16.333.000 đồng thành tổng số tiền 49.000.000 đồng và đưa cho ông T, bà M vay. Khi lập giấy vay do hội đồng hương có sẵn giấy vay (giấy dùng cho các hội viên vay tiền) và do chúng tôi nghĩ dùng danh tiếng của hội đồng hương cho vay thì ông T bà M không thể trốn nợ nên chúng tôi đã lấy tên bên cho vay là hội đồng hương, bên vay tiền là ông T, bà M, thời hạn vay từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018, lãi suất 1,5 %. Khi đó ông Trần Xuân H là người viết "hợp đồng vay vốn hội đồng hương Ninh Bình xã P V" đề ngày 01/01/2018, bên dưới có chữ ký của ông T, bà M. Tuy nhiên đến hạn trả ngày 31/12/2018 ông T bà M không trả được tiền gốc. Còn tiền lãi của 12 tháng năm 2018 tính 1,5 % x 49.000.000 đồng là 8.820.000 đồng thì ông T bà M mới trả được số tiền 3.000.000 đồng. Còn nợ lại tiền lãi là 5.820.000 đồng.

Do đó nay chúng tôi khởi kiện yêu cầu ông T, bà M có nghĩa vụ trả cho chúng tôi số tiền gốc 49.000.000 đồng, trong đó phần mỗi người là 16.333.000 đồng, do đây là tiền của ba chúng tôi góp lại, không pH tiền quỹ của Hội đồng hương, còn về tiền lãi vay trong hạn chưa trả 5.820.000 đồng thì tại phiên tòa chúng tôi không yêu cầu bị đơn phải trả nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản do nguyên đơn ông Trần Xuân H, ông Bùi Văn Th, ông Trần Văn Thô thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn ông Nguyễn Hồng T, bà Phạm Thị Hồng M cư trú tại thôn xã P V, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng T, bà Phạm Thị Hồng M vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T, bà M vẫn vắng mặt trong các lần làm việc. Tại phiên tòa hôm nay ông T, bà M vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà M.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn các ông H, Th, Thô yêu cầu bị đơn ông T, bà M trả số tiền gốc vay 49.000.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện được các nguyên đơn chứng minh qua lời trình bày của mình có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa; đồng thời phù hợp với chứng cứ của việc vay tiền đó là "hợp đồng vay vốn hội đồng hương Ninh Bình xã P V" đề ngày 01/01/2018.

Căn cứ "hợp đồng vay vốn hội đồng hương Ninh Bình xã P V" đề ngày 01/01/2018 là bản gốc, có chữ ký và viết họ tên của người vay ông T, bà M thể hiện sự tự nguyện giao kết hợp đồng vay với các ông H, Th, Thô để vay số tiền 49.000.000 đồng. Giấy vay được người khởi kiện các ông H, Th, Thô cung cấp, không bị xé bỏ, gạch xóa. Do đó đây là căn cứ chứng minh về việc vay tiền giữa các đương sự. Do đó có căn cứ xác định việc T, bà M xác lập hợp đồng vay với các ông H, Th, Thô là có thật. Do đó cần buộc ông T, bà M có nghĩa vụ trả lại các ông H, Th, Thô số tiền gốc 49.000.000 đồng, trong đó phần mỗi người là 16.333.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa các nguyên đơn ông H, Th, Thô cùng tự nguyện có yêu cầu rút tiền lãi vay trong hạn chưa trả 5.820.000 đồng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, Th, Thô buộc ông T, bà M có nghĩa vụ trả cho ông H, Th, Thô số tiền 49.000.000 đồng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 436, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân H, ông Bùi Văn Th, ông Trần Văn Thô.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hồng T, bà Phạm Thị Hồng M có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng) cho ông Trần Xuân H, ông Bùi Văn Th, ông Trần Văn Thô, trong đó số tiền của ông H là 16.333.000 đồng, số tiền của ông Th là 16.333.000 đồng, số tiền của ông Thô là 16.333.000 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 2.450.000 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) ông T, bà M phải liên đới chịu.

Trả lại nguyên đơn ông H, ông Th, ông Thô số tiền tạm ứng án phí 1.370.500 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019948 ngày 04/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Hải Ly